

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH 3**

Năm 2011

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	03 – 05
Báo cáo Kiểm toán	06
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	07 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2011	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2011	12 – 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35 KV;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Sản xuất tà vẹt, cấu kiện bê tông, cấu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi măng điện, rền, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị;
- Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thiết kế;
- Kinh doanh nhà ở;
- Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình thủy lợi. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

a. Thông tin các chi nhánh: 8 chi nhánh

1. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

2. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

3. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

4. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

5. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - TP. Hồ Chí Minh.

6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi

8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

b. Thông tin các Công ty con: 3 công ty

Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55 %

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc

Địa chỉ: 143A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 53,10 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 53,10 %

Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Nguyên	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Côi	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Soát	Thành viên
Ông Lê Văn Nhung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Chinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúy	Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nguyên	Phó tổng giám đốc
Ông Phạm Ngọc Côi	Phó tổng giám đốc
Ông Nguyễn Đức Soát	Phó tổng giám đốc
Ông Vũ Công Hòa	Phó tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Long	Phó tổng giám đốc
Bà Nguyễn Kim Chinh	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - TP. Hồ Chí Minh.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Anh Thuận	Trưởng ban
Ông Trần Minh Hùng	Thành viên
Ông Đặng Xuân Trường	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2012

TM. Ban Giám Đốc
Tổng giám đốc

Phạm Văn Thúy

Số:/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

(Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3)

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3
- Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3.

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** được lập ngày 25 tháng 02 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 07 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Không phủ nhận ý kiến của chúng tôi dưới đây, tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý tới người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của đơn vị được lập trên cơ sở số liệu của công ty mẹ và các công ty con, trong đó 2 công ty con là Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc và Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán – Tư Vấn Đất Việt và báo cáo kiểm toán của 2 công ty này được phát hành dưới dạng ý kiến chấp thuận toàn phần; Do đó, số liệu hợp nhất có liên quan đến 2 công ty con đã nêu trên chúng tôi lấy theo số liệu của báo cáo kiểm toán đã phát hành bởi công ty TNHH Kiểm Toán – Tư Vấn Đất Việt.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn
Chứng chỉ KTV 0479/KTV

Tạ Quang Tạo
Chứng chỉ KTV D0055/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		343.102.191.910	268.664.672.615
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	42.707.530.487	30.172.123.684
1. Tiền	111		42.707.530.487	30.172.123.684
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	1.300.000.000	1.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.300.000.000	1.300.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	3	188.755.459.440	124.294.605.071
1. Phải thu khách hàng	131	3.1	171.593.607.644	115.622.777.195
2. Trả trước cho người bán	132	3.2	8.825.789.940	4.710.501.606
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Các khoản phải thu khác	135	3.3	9.093.352.276	4.172.397.073
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	3.4	(757.290.420)	(211.070.803)
IV. Hàng tồn kho	140	4	86.278.124.674	90.627.753.144
1. Hàng tồn kho	141		86.278.124.674	90.627.753.144
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5	24.061.077.309	22.270.190.716
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.1	358.627.404	125.330.372
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.2	298.057.114	1.203.200.326
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.3	-	87.504.107
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	23.404.392.791	20.854.155.911
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		68.672.838.079	65.909.401.564
II. Tài sản cố định	220		42.309.906.730	43.208.678.661
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	41.879.921.419	43.119.803.476
- Nguyên giá	222		79.518.192.128	69.807.083.991
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(37.638.270.709)	(26.687.280.515)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	429.985.311	88.875.185
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8		30.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	30.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	
V. Tài sản dài hạn khác	260	9	26.362.931.349	22.670.722.903
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9.1	25.693.707.227	22.004.498.782
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9.2	660.024.122	660.024.122
3. Tài sản dài hạn khác	268	9.3	9.200.000	6.200.000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		411.775.029.989	334.574.074.179

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		306.233.118.050	241.490.853.094
I. Nợ ngắn hạn	310	10	296.181.134.652	231.504.424.228
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10.1	98.632.381.013	60.731.798.888
2. Phải trả người bán	312	10.2	86.692.201.445	37.583.160.184
3. Người mua trả tiền trước	313	10.3	40.707.528.522	73.358.103.043
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10.4	8.091.853.845	4.489.290.658
5. Phải trả người lao động	315	10.5	7.501.660.624	9.147.967.665
6. Chi phí phải trả	316	10.6	2.317.458.842	5.087.718.241
7. Phải trả nội bộ	317	10.7	3.767.125.575	3.770.025.575
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10.8	47.246.557.072	35.079.734.097
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	10.9	1.224.367.714	2.256.625.877
II. Nợ dài hạn	330	11	10.051.983.398	9.986.428.866
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	
3. Phải trả dài hạn khác	333	11.1	81.603.898	81.603.898
4. Vay và nợ dài hạn	334	11.2	9.970.379.500	9.701.091.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	11.3	-	203.733.968
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		94.750.179.298	81.010.765.758
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	94.750.179.298	81.010.765.758
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.609.980.000	43.005.560.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.694.645.000	1.692.200.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.622.907.459	1.622.907.459
4. Cổ phiếu quỹ	414		(930.000)	(60.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.676.292.767	12.058.590.718
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.734.254.403	3.359.977.607
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.413.029.668	19.271.589.973
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		10.791.732.641	12.072.455.327
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		411.775.029.989	334.574.074.179

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược 4. Nợ khó đòi đã xử lý 5. Ngoại tệ các loại 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		408.987.523	408.987.523

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

NĂM 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	300.428.537.661	254.956.543.137
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	300.428.537.661	254.956.543.137
4. Giá vốn hàng bán	11	16	258.226.367.071	219.483.876.940
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		42.202.170.590	35.472.666.197
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.462.702.204	1.518.234.472
7. Chi phí tài chính	22	18	16.863.575.780	6.256.192.722
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.863.575.780	6.256.192.722
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.143.350.906	11.198.866.275
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)+(24-25)	30		15.657.946.108	19.535.841.672
11. Thu nhập khác	31	19	2.435.328.057	1.680.515.290
12. Chi phí khác	32	20	1.528.126.559	793.114.512
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		907.201.498	887.400.778
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.565.147.606	20.423.242.450
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	2.935.089.403	3.037.217.985
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22		(16.252.185)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		13.630.058.203	17.402.276.650
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		909.977.006	1.117.067.093
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		12.720.081.198	16.285.209.557
20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.539	5.752

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.565.147.606	20.423.242.450
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		10.950.990.194	7.375.212.008
- Các khoản dự phòng	03		546.219.617	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.554.407.008)	(3.188.202.350)
- Chi phí lãi vay	06		16.863.575.780	6.256.192.722
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.371.526.189	30.866.444.830
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(66.105.948.037)	(56.172.698.800)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.349.628.470	(40.169.588.474)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		24.857.004.937	31.623.912.222
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.922.505.478)	(16.700.078.738)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(16.863.575.780)	(7.972.959.697)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.015.396.532)	(4.429.205.870)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		65.926.365	671.563.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.381.107.139)	(7.407.874.431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22.644.447.005)	(69.690.485.958)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.295.184.923)	(22.427.913.274)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		258.293.461	644.641.332
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10.969.129.750)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		30.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.318.144	2.057.651.281
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.943.573.318)	(30.694.750.411)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		12.604.420.000	25.846.270.000
hành	32		(870.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		162.045.090.346	101.259.851.718
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(128.875.219.721)	(66.498.029.158)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(649.993.500)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		45.123.427.125	60.608.092.560
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		12.535.406.803	(39.777.143.809)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.172.123.684	69.949.267.493
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	42.707.530.487	30.172.123.684

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *Năm 2011*

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty **Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3** được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002692 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 55.609.980.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ sáu trăm lẻ chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

a. Thông tin các chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi**
Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi
- Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

b. Thông tin các Công ty con hợp nhất: 3 công ty

Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55 %

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - TP. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc

Địa chỉ: 143A Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 53,10 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 53,10 %

Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng, lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35 KV;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi. Sản xuất tà vẹt, cầu kiện bê tông, cầu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi măng điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khu dân cư, đô thị;
- Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông dân dụng, công nghiệp không do Công ty thi công;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Tư vấn thiết kế;
- Kinh doanh nhà ở;
- Sửa chữa xe máy, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, kinh doanh vận tải bằng ô tô;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình thủy lợi. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường sắt. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp, ngành giao thông vận tải.

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 (Công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - TP. Hồ Chí Minh.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối hợp nhất.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không phát sinh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - TP. Hồ Chí Minh.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

5. Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.

6. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không phát sinh

7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - TP. Hồ Chí Minh.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Nguồn vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt thông qua Đại hội đồng cổ đông được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - F4 - Q5 - TP. Hồ Chí Minh.

hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

13.3 Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn bán hàng đã lập.

13.4 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM 2011

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT.

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

1.1-Tiền mặt (VND)

1.2-Tiền gửi ngân hàng

Cộng

Số cuối năm

13.776.563.429

28.930.967.058

42.707.530.487

Số đầu năm

8.265.985.392

21.906.138.292

30.172.123.684

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

* Đầu tư ngắn hạn

- Tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại NH Đầu Tư & Phát triển VN - CN. TP HCM

Cộng

Số cuối năm

1.300.000.000

1.300.000.000

Số đầu năm

1.300.000.000

1.300.000.000

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

3.1-Phải thu khách hàng

3.2-Trả trước cho người bán

3.3-Các khoản phải thu khác

3.4-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Cộng

Số cuối năm

171.593.607.644

8.825.789.940

9.093.352.276

(757.290.420)

188.755.459.440

Số đầu năm

115.622.777.195

4.710.501.606

4.172.397.073

(211.070.803)

124.294.605.071

4. HÀNG TỒN KHO

* Giá gốc hàng tồn kho

- Nguyên liệu, vật liệu

- Công cụ, dụng cụ

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- Hàng hóa

Cộng

Số cuối năm

86.278.124.674

13.956.456.847

9.955.636

72.163.924.967

147.787.224

86.278.124.674

Số đầu năm

90.627.753.144

17.896.348.160

58.735.280

72.672.669.704

-

90.627.753.144

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

5.1-Chi phí trả trước ngắn hạn

5.2-Thuế GTGT được khấu trừ

5.3- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

5.4-Tài sản ngắn hạn khác

* Tạm ứng

* Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Cộng

Số cuối năm

358.627.404

298.057.114

23.404.392.791

22.692.841.426

711.551.365

24.061.077.309

Số đầu năm

125.330.372

1.203.200.326

87.504.107

20.854.155.911

20.216.697.841

637.458.070

22.270.190.716

6. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1 Số dư đầu năm	6.362.695.489	51.591.396.859	11.162.415.036	690.576.607	69.807.083.991
2 Số tăng trong năm		9.845.880.597	32.671.728	138.576.546	10.017.128.871
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong năm		9.845.880.597	32.671.728	138.576.546	10.017.128.871
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tăng khác					
3 Số giảm trong năm		306.020.734			306.020.734
<i>Bao gồm:</i>					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		306.020.734			306.020.734
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	6.362.695.489	61.131.256.722	11.195.086.764	829.153.153	79.518.192.128
II. Giá trị hao mòn LK					
1 Số dư đầu năm	1.314.147.278	20.826.147.762	4.189.808.560	357.176.915	26.687.280.515
2 Số tăng trong năm	840.444.555	8.547.335.153	1.637.568.827	190.765.940	11.216.114.475
- Khấu hao trong năm	840.444.555	8.547.335.153	1.637.568.827	190.765.940	11.216.114.475
- Tăng khác					
3 Số giảm trong năm		265.124.281			265.124.281
<i>Bao gồm:</i>					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		265.124.281			265.124.281
- Giảm khác					
4 Số dư cuối năm	2.154.591.833	29.108.358.634	5.827.377.387	547.942.855	37.638.270.709
III. Giá trị còn lại					
1 Tại ngày đầu năm	5.048.548.211	30.765.249.097	6.972.606.476	333.399.692	43.119.803.476
2 Tại ngày cuối năm	4.208.103.656	32.022.898.088	5.367.709.377	281.210.298	41.879.921.419

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

- Chi phí mua tài sản cố định

Cộng

Số cuối năm

429.985.311

Số đầu năm

88.875.185

429.985.311

88.875.185

8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

- Trái phiếu kho bạc (thời hạn 3 năm)

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

30.000.000

30.000.000

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

9.1-Chi phí trả trước dài hạn

25.693.707.227

22.004.498.782

9.2-Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

660.024.122

660.024.122

9.3-Tài sản dài hạn khác

9.200.000

6.200.000

* Ký quỹ, ký cược dài hạn

9.200.000

6.200.000

Cộng

26.362.931.349

22.670.722.903

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

10. NỢ NGẮN HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
10.1-Vay và nợ ngắn hạn	98.632.381.013	60.731.798.888
* <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>94.566.396.013</i>	<i>60.731.798.888</i>
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh	94.566.396.013	60.731.798.888
* <i>Vay cá nhân</i>	<i>3.984.197.000</i>	
* <i>Vay khác</i>	<i>81.788.000</i>	
10.2-Phải trả người bán	86.692.201.445	37.583.160.184
10.3-Người mua trả tiền trước	40.707.528.522	73.358.103.043
10.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.091.853.845	4.489.290.658
- Thuế GTGT đầu ra	5.037.922.605	1.438.935.908
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.951.381.525	3.031.688.654
- Thuế thu nhập cá nhân	102.549.715	18.666.096
- Thuế nhà đất & tiền thuê đất		
<i>Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.</i>		
10.5-Phải trả người lao động	7.501.660.624	9.147.967.665
10.6-Chi phí phải trả	2.317.458.842	5.087.718.241
10.7-Phải trả nội bộ	3.767.125.575	3.770.025.575
- Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam	3.767.125.575	3.770.025.575
10.8-Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.246.557.072	35.079.734.097
- Kinh phí công đoàn	505.507.971	293.397.220
- Bảo hiểm Xã hội	507.546.174	284.712.330
- Bảo hiểm Y tế	150.768.189	27.745.092
- Bảo hiểm Thất nghiệp	74.216.949	24.239.516
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	46.008.517.789	34.449.639.939
10.9-Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.224.367.714	2.256.625.877
Cộng	296.181.134.652	231.504.424.228
11. NỢ DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
11.1-Phải trả dài hạn khác	81.603.898	81.603.898
- Tiền nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng	81.603.898	81.603.898
11.2-Vay và nợ dài hạn	9.970.379.500	9.701.091.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh	9.690.507.500	8.695.827.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	279.872.000	516.664.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông		488.600.000
11.3-Dự phòng trợ cấp mất việc làm		203.733.968
Cộng	10.051.983.398	9.986.428.866

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	21.812.090.000			1.622.907.459	2.810.563.652	25.881.255.610	52.126.816.721
Tăng vốn trong năm trước	21.193.470.000	1.692.200.000					22.885.670.000
Lãi trong năm trước						16.285.209.558	16.285.209.558
Tăng khác			(60.000)		12.608.004.674	957.685.388	13.565.630.062
Giảm vốn trong năm trước							
Lỗ trong năm trước							
Giảm khác						23.852.560.583	23.852.560.583
Số dư cuối năm trước	43.005.560.000	1.692.200.000	(60.000)	1.622.907.459	15.418.568.326	19.271.589.973	81.010.765.758
Số dư đầu năm nay	43.005.560.000	1.692.200.000	(60.000)	1.622.907.459	15.418.568.326	19.271.589.973	81.010.765.758
Tăng vốn trong năm nay	12.604.420.000	2.445.000					12.606.865.000
Lãi năm nay						12.720.081.198	12.720.081.198
Tăng khác			(870.000)		6.991.978.845	2.461.215.847	9.452.324.692
Giảm vốn trong năm nay							
Lỗ trong năm nay							
Giảm khác (*)						21.039.857.349	21.039.857.349
Số dư cuối năm	55.609.980.000	1.694.645.000	- 930.000	1.622.907.459	22.410.547.171	13.413.029.668	94.750.179.298

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

Ghi chú (): Các khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối bao gồm:*

* Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Xây Dựng Công trình 3	19.091.985.000
- Trích cổ tức phải trả năm 2010	10.759.985.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2010	5.382.000.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2010	1.283.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2010	1.667.000.000
* Công ty Cổ Phần Công trình Thành Phát	1.477.901.849
- Trích cổ tức phải trả năm 2010	715.500.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2010	383.000.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2010	128.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2010	205.000.000
- Nộp phạt	46.401.849
* Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công trình Trường Lộc	469.970.500
- Trích cổ tức phải trả năm 2010	304.843.500
- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2010	47.179.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2010	39.316.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2010	70.769.000
- Trích quỹ khác	7.863.000
Cộng	21.039.857.349

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	43,35%	24.108.350.000	19.286.680.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	56,65%	31.501.630.000	23.718.880.000
Cộng	100%	55.609.980.000	43.005.560.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	43.005.560.000	21.812.090.000
- Vốn góp tăng trong năm	12.604.420.000	21.193.470.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	55.609.980.000	43.005.560.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.759.985.000	6.543.635.000

- d) Cổ tức**
- + **Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán**
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
 - + **Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**

e) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.561.000	4.485.000
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.560.998	4.300.556
- Cổ phiếu phổ thông	5.560.998	4.300.556
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại	93	6
- Cổ phiếu phổ thông	93	6
- Cổ phiếu ưu đãi		
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.560.905	4.300.550
- Cổ phiếu phổ thông	5.560.905	4.300.550
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000d/ CP	10.000d/ CP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

f) Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ Đầu tư phát triển	17.676.292.767	12.058.590.718
- Quỹ Dự phòng tài chính	4.734.254.403	3.359.977.607
Cộng	22.410.547.171	15.418.568.325
13. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	42.135.087.061	8.272.310.247
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	257.341.783.940	246.684.232.890
- Doanh thu dịch vụ khác	951.666.660	
Cộng	300.428.537.661	254.956.543.137
14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất khẩu		
Cộng		
15. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuận về bán hàng	42.135.087.061	8.272.310.247
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	257.341.783.940	246.684.232.890
- Doanh thu dịch vụ khác	951.666.660	
Cộng	300.428.537.661	254.956.543.137
16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	35.286.267.159	2.105.460.158
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	222.408.711.902	217.378.416.782
- Giá vốn của dịch vụ	531.388.010	
Cộng	258.226.367.071	219.483.876.940
17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.318.144	1.518.234.472
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.399.384.060	
Cộng	1.462.702.204	1.518.234.472
18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	16.863.575.780	6.256.192.722
Cộng	16.863.575.780	6.256.192.722
19. THU NHẬP KHÁC	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ tiền thí nghiệm và cho thuê mặt bằng	304.781.291	700.361.734
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	384.630.000	136.363.636
- Thu nhập khác	1.745.916.766	843.789.920
Cộng	2.435.328.057	1.680.515.290
20. CHI PHÍ KHÁC	Năm nay	Năm trước
- Chi phí hoạt động thí nghiệm, cho thuê mặt bằng		103.920.909
- Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, thanh lý	40.896.453	580.258.612
- Chi phí khác	1.487.230.106	108.934.991
Cộng	1.528.126.559	793.114.512
21. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	2.935.089.403	3.037.217.985

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

Cộng	2.935.089.403	3.037.217.985
22. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN LẠI	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(16.252.185)
Cộng		(16.252.185)

23 THÔNG TIN BỔ SUNG**23.1-Số liệu so sánh**

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Lập ngày 25 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đoàn Văn Nghị

Nguyễn Kim Chinh

Phạm Văn Thúy